

**TỔ CÔNG TÁC
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
VỀ RÀ SOÁT VĂN BẢN QPPL**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1314*/TCT

Hà Nội, ngày *26* tháng 4 năm 2022

V/v tổ chức thực hiện rà soát văn bản
theo Kế hoạch hoạt động năm 2022

Kính gửi: Trưởng các Nhóm rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực (theo Quyết định số 689/QĐ-TCT ngày 21/4/2022 của Tổ công tác và Quyết định số 696/QĐ-TCT ngày 22/4/2022 của Tổ trưởng Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật)

Để triển khai nhiệm vụ rà soát độc lập, chuyên sâu theo một số nhóm văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành theo Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Tổ công tác (ban hành kèm theo Quyết định số 689/QĐ-TCT ngày 21/4/2022) được hiệu quả, thống nhất, Bộ trưởng Bộ Tư pháp - Tổ trưởng Tổ công tác lưu ý một số vấn đề sau:

1. Về việc tổ chức thực hiện rà soát

1.1. Đối với Nhóm rà soát quy định pháp luật về nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị (Nhóm 1) và Nhóm rà soát quy định pháp luật về đầu giá tài sản (Nhóm 5)

Các Trưởng nhóm chủ động chỉ đạo xác định rõ phạm vi, đối tượng văn bản quy phạm pháp luật cần rà soát (từ luật, bộ luật đến các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; biện pháp quản lý, tổ chức thực hiện... do các cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương ban hành đang còn hiệu lực) thuộc chuyên đề, lĩnh vực được giao rà soát; trên cơ sở đó, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong Nhóm. Trong quá trình rà soát văn bản, cần lưu ý lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan, các chuyên gia về kết quả rà soát và các giải pháp, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật để bảo đảm tính chính xác, khách quan của kết quả rà soát, đề xuất, kiến nghị.

Đối với Nhóm rà soát quy định pháp luật về nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị (Nhóm 1), ngoài yêu cầu nêu trên, đề nghị Nhóm trưởng lưu ý nghiên cứu, rà soát, có ý kiến đối với 14 nội dung kiến nghị được tổng hợp tại Báo cáo số 282-BC/ĐĐQH15 ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Đảng đoàn Quốc hội (đã được tổng hợp tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 689/QĐ-TCT ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tổ công tác) để thực hiện nhiệm vụ được Phó Thủ tướng Thường

trực Phạm Bình Minh giao tại Công văn số 1172/VPCP-PL ngày 24/02/2022 của Văn phòng Chính phủ.

1.2. Đối với các Nhóm rà soát, cho ý kiến độc lập đối với một số nội dung quy định cụ thể liên quan đến một số luật của Quốc hội theo tổng hợp tại Báo cáo số 282-BC/ĐĐQH15 ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Đảng đoàn Quốc hội (Nhóm 2, Nhóm 3, Nhóm 4)

Các Trưởng nhóm chỉ đạo nghiên cứu, rà soát đối với các nội dung/nhận định và ý kiến của các cơ quan đối với các nội dung quy định cụ thể liên quan đến một số luật của Quốc hội đã được tổng hợp tại Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV (kèm theo Quyết định số 689/QĐ-TCT ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tổ công tác). Trên cơ sở đó, có ý kiến (nhất trí/ không nhất trí, lý do nhất trí/không nhất trí, ý kiến khác, phương án xử lý đối với từng nội dung cụ thể).

1.3. Về việc tổng hợp kết quả rà soát quy định pháp luật có sơ hở, bất cập liên quan đến đấu thầu, đấu giá, quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, tài chính, chứng khoán... tiềm ẩn nguy cơ làm phát sinh tiêu cực, tham nhũng trong quá trình thực thi (theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Công văn số 1906/VPCP-V.I ngày 29/3/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng báo cáo rà soát các quy định của pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực)

Ngày 14/4/2022, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 1161/BTP-KTrVB về việc rà soát các quy định pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực gửi một số bộ, cơ quan ngang bộ theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái tại Công văn số 1906/VPCP-V.I ngày 29/3/2022 của Văn phòng Chính phủ.

Đề nghị thành viên Tổ công tác tại các bộ, cơ quan ngang bộ (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thanh tra Chính phủ) theo dõi, đôn đốc việc thực hiện rà soát các quy định pháp luật nêu trên tại bộ, cơ quan ngang bộ, bảo đảm thời gian gửi báo cáo về Bộ Tư pháp (**trước ngày 15/5/2022**) để Tổ công tác tổ chức việc tổng hợp, hoàn thiện, cho ý kiến trước trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ - Bí thư Ban cán sự đảng Chính phủ.

2. Về tài liệu hướng dẫn rà soát

Các tài liệu sau đây được gửi kèm Công văn này và được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Tổ công tác (địa chỉ truy cập: <https://moj.gov.vn/pakn/tintuc/Pages/huong-dan-ra-soat.aspx>):

- Một số vấn đề cần lưu ý khi thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật và xây dựng Báo cáo kết quả rà soát;

- 04 biểu mẫu gồm:

+ *Mẫu số 01*: Báo cáo kết quả rà soát quy định pháp luật (dành cho Nhóm 1, Nhóm 5);

+ *Mẫu số 02*: Danh mục văn bản quy phạm pháp luật đã được rà soát (dành cho Nhóm 1, Nhóm 5);


+ *Mẫu số 03*: Phụ lục văn bản quy phạm pháp luật có quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp thực tiễn cần xử lý (dành cho Nhóm 1, Nhóm 5).

+ *Mẫu số 04*: Báo cáo kết quả rà soát, cho ý kiến độc lập đối với một số nội dung cụ thể liên quan đến các luật của Quốc hội theo tổng hợp tại Báo cáo số 282-BC/ĐĐQH15 ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Đảng đoàn Quốc hội.

3. Về kinh phí bảo đảm cho các hoạt động của các Nhóm rà soát, đề nghị Trưởng các Nhóm rà soát chỉ đạo Thư ký nhóm phối hợp chặt chẽ với Đơn vị đầu mối về hành chính của Bộ phận thường trực của Tổ công tác (Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp) để triển khai thực hiện.

4. Trong quá trình thực hiện, Tổ công tác đề nghị Nhóm trưởng, Thư ký các Nhóm rà soát phối hợp chặt chẽ với Bộ phận thường trực của Tổ công tác và Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp để bảo đảm nhiệm vụ rà soát được thực hiện đúng tiến độ và chất lượng.

Thông tin liên hệ: Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp, số điện thoại: 024.62739658/024.62739655 hoặc qua email: tocong_tac236@moj.gov.vn.

Trân trọng cảm ơn./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng - Tổ trưởng TCT (để b/c);
- Thư ký các Nhóm rà soát;
- Các thành viên Bộ phận thường trực;
- Lưu: VT, TCT, Cục KTrVB (NC).

**KT. TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÓ THƯỜNG TRỰC**



**THỦ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
Phan Chí Hiếu**



**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHI THỰC HIỆN RÀ SOÁT
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
VÀ XÂY DỰNG BÁO CÁO KẾT QUẢ RÀ SOÁT**
(Kèm theo Công văn số 1314../TCT ngày 26/4/2022
của Tổ công tác)

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020;
2. Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ);
3. Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 12/2/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật;
4. Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 21/4/2022 của Tổ công tác ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản QPPL.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT VĂN BẢN QPPL

1. Yêu cầu đối với việc rà soát văn bản

Bám sát yêu cầu tổ chức, thực hiện được nêu tại mục I.2 Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản QPPL (kèm theo Quyết định số 689/QĐ-TCT ngày 21/4/2022 của Tổ công tác).

2. Đối với việc rà soát quy định pháp luật về nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị (Nhóm 1) và rà soát quy định pháp luật về đấu giá tài sản (Nhóm 5)

2.1. Xác định đối tượng, phạm vi rà soát văn bản

Đối tượng, phạm vi rà soát văn bản là **toàn bộ** các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, người có thẩm quyền ở Trung ương ban hành **còn hiệu lực** đến thời điểm rà soát (bao gồm cả các văn bản đã được ban hành nhưng đến thời điểm rà soát chưa có hiệu lực, trừ Hiến pháp) thuộc chuyên đề rà soát văn bản. (“Thời điểm rà soát” do các Nhóm xác định bảo đảm kết quả rà soát cập nhật với tình hình văn bản mới được ban hành).

Lưu ý: Các hình thức văn bản quy phạm pháp luật khác ngoài hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực (ngày 01/7/2016) và còn hiệu lực cũng thuộc đối tượng rà soát.

2.2. Thực hiện rà soát văn bản

Việc rà soát văn bản nhằm thực hiện nhiệm vụ của Tổ công tác được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 12/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể là “*rà soát các quy định của pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển; kiến nghị sửa đổi, bổ sung để giải phóng nguồn lực tạo điều kiện cho sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội*”, do đó, trong quá trình rà soát, cần lưu ý một số vấn đề sau:

a) Rà soát, phát hiện các quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo

- So sánh, đối chiếu các quy định trong nhóm văn bản điều chỉnh về cùng một lĩnh vực.

Ví dụ: So sánh, đối chiếu quy định của văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở với Luật Nhà ở.

- So sánh, đối chiếu các quy định trong nhóm văn bản điều chỉnh về một lĩnh vực với các quy định trong nhóm văn bản điều chỉnh về lĩnh vực khác có liên quan.

Ví dụ: So sánh, đối chiếu quy định của Luật Đất đai và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Đất đai với quy định của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản... và văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Kinh doanh bất động sản...

b) Rà soát, phát hiện các quy định bất cập, không phù hợp thực tiễn

Các quy định bất cập, không phù hợp thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển rất đa dạng trong thực tiễn, vì vậy, tùy từng trường hợp cụ thể, các Nhóm chủ động rà soát để phát hiện, trong đó lưu ý một số trường hợp như sau:

- Quy định không cụ thể, không rõ ràng, dẫn đến các cách hiểu khác nhau hoặc không thể thực hiện được trên thực tế (Ví dụ: không rõ ràng về thời gian, trình tự thủ tục, hồ sơ thực hiện; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước;...);

- Quy định điều kiện, thủ tục hành chính không cần thiết, không đúng quy định pháp luật;

- Một phần hoặc toàn bộ văn bản không còn được áp dụng trên thực tế nhưng chưa có cơ sở pháp lý để xác định hết hiệu lực theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

- Các quy định không còn phù hợp với thực tiễn (căn cứ vào tình hình kinh tế - xã hội; chủ trương, đường lối, chính sách phát triển về lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản quy phạm pháp luật; thông qua theo dõi quản lý nhà nước và tiếp nhận thông tin, phản ánh từ cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan);

- Quan hệ xã hội cần được điều chỉnh bằng văn bản quy phạm pháp luật nhưng chưa có văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoặc quan hệ xã hội cần được điều chỉnh bằng văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn (Ví dụ: các quy định về hạn chế quyền con người, quyền công dân phải được quy định tại luật, bộ luật).

Lưu ý:

- Trong quá trình rà soát, căn cứ vào tình hình thực tiễn, các Nhóm chủ động thu thập, tổng hợp thông tin để tiến hành rà soát bằng các phương thức khác nhau, trong đó cần lưu ý một số căn cứ, nguồn thông tin sau:

+ Các văn bản thể hiện chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội, Chính phủ liên quan đến chuyên đề/lĩnh vực đang rà soát;

+ Các kết quả rà soát văn bản QPPL đã thực hiện (như: kết quả rà soát văn bản tại Báo cáo số 442/BC-CP ngày 01/10/2020 của Chính phủ kết quả rà soát văn bản QPPL kết quả rà soát văn bản QPPL thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước; kết quả rà soát văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện rà soát văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ; Báo cáo số 229/BC-BTP ngày 15/10/2021 của Bộ Tư pháp về kết quả rà soát, nghiên cứu, xử lý kiến nghị, phản ánh về quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, không phù hợp thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ; kết quả rà soát văn bản để xây dựng luật, bộ luật, pháp lệnh;...);

+ Các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về các bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật.

2.3. Xây dựng Báo cáo kết quả rà soát văn bản

Kết quả rà soát văn bản của Nhóm được xây dựng theo Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, trong đó cần lưu ý nội dung tại Mục “Đánh giá, giải pháp và kiến nghị, đề xuất” (Mẫu số 01). Theo đó, các Nhóm cần **tập trung đánh giá**

sâu sắc thực trạng quy định pháp luật, tình hình thi hành pháp luật trong chuyên đề/lĩnh vực được rà soát; tác động của thực trạng pháp luật này đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội; các vấn đề thực tiễn đặt ra đòi hỏi cần phải có sự điều chỉnh hệ thống pháp luật thuộc nội dung các chuyên đề/lĩnh vực được rà soát.

Đối với Nhóm 1 (rà soát quy định pháp luật về nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị), ngoài báo cáo các nội dung nêu trên, đề nghị bổ sung trong Báo cáo nội dung kết quả rà soát, cho ý kiến độc lập đối với 14 nội dung kiến nghị được tổng hợp tại Báo cáo 282-BC/ĐĐQH15 ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Đảng đoàn Quốc hội (và đã được tổng hợp tại Phụ lục I kèm theo Quyết định số 689/QĐ-TCT ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tổ công tác) (với các nội dung chính, kèm Phụ lục được hướng dẫn tại Mục II.3 Tài liệu này).

3. Đối với việc rà soát, cho ý kiến độc lập đối với một số nội dung quy định cụ thể liên quan đến một số luật của Quốc hội theo tổng hợp tại Báo cáo số 282-BC/ĐĐQH15 ngày 21 tháng 10 năm 2021 (Nhóm 1, Nhóm 2, Nhóm 3, Nhóm 4)

Các Nhóm nghiên cứu, rà soát kỹ nội dung/nhận định và ý kiến của các cơ quan đối với từng nội dung cụ thể liên quan đến các luật. Trên cơ sở đó, có ý kiến (nhất trí/ không nhất trí, lý do nhất trí/không nhất trí, ý kiến khác, phương án xử lý đối với từng nội dung cụ thể).

Về hình thức thể hiện kết quả:

- Báo cáo kết quả: xây dựng theo Mẫu số 04;

- Phụ lục kết quả rà soát, cho ý kiến độc lập:

+ Tên phụ lục: **Ghi “Kết quả rà soát, cho ý kiến độc lập đối với một số nội dung liên quan đến:.....”**

Ví dụ: “Kết quả rà soát, cho ý kiến độc lập đối với một số nội dung liên quan đến: Bộ luật dân sự; Luật Dầu khí; Luật Thủy lợi”

+ Bảng biểu: Trên cơ sở nội dung được tổng hợp tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV (kèm theo Quyết định số 689/QĐ-TCT ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tổ công tác), bổ sung cột “Ý kiến của Nhóm rà soát” để trình bày ý kiến của Nhóm rà soát đối các vấn đề.

Ví dụ:

STT	NỘI DUNG/ NHẬN ĐỊNH	Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN	Ý KIẾN CỦA NHÓM RÀ SOÁT
I.	Nhóm các nội dung liên quan đến Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi bổ sung năm 2012)		
1.	Sự chồng chéo, xung đột giữa các quy định	- Khoản 1 Điều 11 của Luật Điện lực năm 2004, khoản 2, Điều 27 của Luật	

STT	NỘI DUNG/ NHẬN ĐỊNH	Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN	Ý KIẾN CỦA NHÓM RÀ SOÁT
	<p>pháp luật hiện hành với các văn bản thuộc lĩnh vực điện lực khiến cơ quan thực thi chính sách trở nên lúng túng, bị động, đồng thời có tác động, ảnh hưởng lớn đến các dự án đầu tư.</p>	<p>Quy hoạch năm 2017 và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 7/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch mới chỉ quy định chi tiết nội dung phát triển điện lực quốc gia nhưng chưa quy định nội dung quy hoạch vùng trên địa bàn, mạng lưới truyền tải và phân phối. Do đó, khi lập quy hoạch tỉnh chưa thể xác định chi tiết danh mục các công trình mạng lưới truyền tải và phân phối cấp điện cho tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy định tại Khoản 2 Điều 31 của Luật Điện lực về phí điều độ vận hành hệ thống điện và phí điều hành giao dịch thị trường điện lực chưa phù hợp với khoản 1 Điều 3 của Luật Phí và lệ phí năm 2015. - Chưa có sự liên kết và thống nhất giữa 3 luật: Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Đầu tư và Luật Điện lực đối với lĩnh vực đầu tư ngành điện nên doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong giai đoạn đầu tư do dự án đầu tư kéo dài, đã khiến nhiều dự án gặp khó khăn về vốn. - Một trong những vướng mắc lớn hiện nay đó là chưa hướng dẫn cụ thể, định nghĩa rõ ràng giữa điện mặt trời mái nhà và điện mặt trời nổi lưới gây ra những lỗ hổng trong việc thực hiện thi công, đấu nối các dự án về năng lượng tái tạo. Nhiều dự án điện mặt trời được đầu tư theo cụm có tổng công suất trên 1 MW tại cùng 1 địa điểm cũng chỉ để hưởng giá điện mà không cần ký hợp đồng mua bán điện và giấy phép hoạt động điện lực do dùng nhiều pháp nhân (<i>Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường</i>). 	

BỘ PHẬN THƯỜNG TRỰC TỔ CÔNG TÁC

Mẫu số 01

(Kèm theo Công văn số 1314/TCT ngày 26/4/2022 của Tổ công tác)

TỔ CÔNG TÁC
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
VỀ RÀ SOÁT VĂN BẢN QPPL
NHÓM¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO **Kết quả rà soát quy định pháp luật.....²**

Kính gửi: Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về
rà soát văn bản quy phạm pháp luật

I. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trình bày ngắn gọn một số nội dung như:

- Việc xác định phạm vi, đối tượng quy định pháp luật được rà soát;
- Việc tổ chức rà soát văn bản;
- Việc lấy ý kiến phản ánh, kiến nghị của các địa phương, doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị liên quan, ý kiến chuyên gia, tham vấn đối tượng điều chỉnh của pháp luật...;
- Việc khảo sát, điều tra,...

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VĂN BẢN

1. Kết quả chung

Báo cáo các số liệu thể hiện kết quả rà soát văn bản như sau:

- Số văn bản đã được rà soát:..... văn bản (trong đó, nêu số lượng cụ thể từng loại văn bản quy phạm pháp luật) (*Danh mục chi tiết kèm theo: Mẫu số 02*);
- nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo tại văn bản (trong đó, nêu số lượng cụ thể từng loại văn bản quy phạm pháp luật);

¹ Ghi “Nhóm 1” hoặc “Nhóm 5”.

² Ghi “Kết quả rà soát quy định pháp luật về nhà ở, kinh doanh bất động sản, quy hoạch đô thị” hoặc “Kết quả rà soát quy định pháp luật về đầu giá tài sản”.

-nội dung quy định bất cập, không phù hợp thực tiễn tại văn bản (trong đó, nêu số lượng cụ thể từng loại văn bản quy phạm pháp luật).

2. Kết quả cụ thể

2.1. Quy định mâu thuẫn, chồng chéo

Trình bày từng nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo với kết cấu như sau:

- Nêu khái quát nội dung chính của quy định mâu thuẫn, chồng chéo;
- Phân tích cụ thể nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo;
- Đề xuất phương án xử lý.

Ví dụ:

Các quy định trùng lặp với Luật Giá về danh mục hàng hoá, dịch vụ do nhà nước định giá (một mặt hàng do Nhà nước định giá đã được quy định tại Luật Giá, nhưng cũng được quy định tại Luật chuyên ngành).

Điều 19 Luật Giá năm 2012 đã quy định danh mục hàng hóa do nhà nước định giá, tuy nhiên, một số quy định tại văn bản pháp luật chuyên ngành cũng quy định về loại hàng hóa do nhà nước định giá trùng với quy định tại Luật Giá. Ví dụ giá một số loại dịch vụ như: dịch cất cánh, hạ cánh; dịch vụ điều hành bay đi, đến; dịch vụ hỗ trợ bảo đảm hoạt động bay; dịch vụ soi chiếu an ninh đều được quy định tại Luật Giá và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014; hoặc giá mặt hàng dự trữ quốc gia được quy định tại Luật Giá và Luật Dự trữ quốc gia năm 2012; hoặc giá mặt hàng điện được quy định tại Luật Giá và Luật Điện lực năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2012).

Phương án xử lý: Một mặt hàng do Nhà nước định giá sẽ được quy định thống nhất tại Luật Giá (sửa đổi), trên cơ sở đó tại Luật Giá (sửa đổi) sẽ bãi bỏ các quy định trùng lặp tại các Luật chuyên ngành, cụ thể là: Điều 49 Luật Dự trữ quốc gia năm 2012 về giá mua, giá bán hàng dự trữ quốc gia; Mục 3 giá điện tại Luật Điện lực năm 2004 (Điều 29, 30, 31); Điều 28 giá cước dịch vụ bưu chính tại Luật Bưu chính năm 2010; Khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 11 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014 liên quan đến giá dịch vụ hàng không).

2.2. Quy định bất cập, không phù hợp thực tiễn

Trình bày từng nội dung quy định bất cập, không phù hợp thực tiễn với kết cấu như sau:

- Nêu khái quát nội dung chính của quy định bất cập, không phù hợp thực tiễn;
- Phân tích cụ thể nội dung quy định bất cập, không phù hợp thực tiễn;
- Đề xuất phương án xử lý.

Ví dụ:

Một số vấn đề thực tiễn chưa được quy định trong Luật Giao dịch điện tử năm 2005 hoặc có quy định nhưng chưa thực sự phù hợp

(i) *Giá trị pháp lý của chữ ký điện tử và việc chứng thực chữ ký điện tử:* Khoản 1 Điều 24 Luật Giao dịch điện tử năm 2005 quy định trong trường hợp pháp luật quy định văn bản cần có chữ ký thì yêu cầu đó đối với một thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng nếu chữ ký điện tử được sử dụng để ký thông điệp dữ liệu đó đáp ứng 2 điều kiện: (i) Phương pháp tạo chữ ký điện tử cho phép xác minh được người ký và chứng tỏ được sự chấp thuận của người ký đối với nội dung thông điệp dữ liệu; (ii) Phương pháp đó là đủ tin cậy và phù hợp với mục đích mà theo đó thông điệp dữ liệu được tạo ra và gửi đi. Tuy nhiên, giá trị pháp lý của chữ ký điện tử được quy định tại khoản 1, Điều 24 hiện nay đang chỉ phù hợp với chữ ký số³. Mặt khác, pháp luật không quy định thế nào là “*phương pháp đủ tin cậy và phù hợp với mục đích mà theo đó thông điệp dữ liệu được tạo ra và gửi đi*”. Như vậy, Luật Giao dịch điện tử chưa quy định rõ ràng về giá trị pháp lý của chữ ký điện tử gây khó khăn và phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau trong việc ký kết hợp đồng điện tử.

Phương án xử lý: Đề xuất sửa đổi khoản 1 Điều 24 Luật Giao dịch điện tử năm 2005 thành “*Phương pháp ký chữ ký điện tử cho phép định danh được người ký và chứng tỏ được sự chấp thuận của người ký đối với nội dung thông điệp dữ liệu*”. Đồng thời, bổ sung quy định hướng dẫn phương pháp tạo lập đủ tin cậy đối với chữ ký điện tử theo hướng quy định cụ thể các điều kiện chứng thực chữ ký điện tử.

(ii) *Quy định về hợp đồng điện tử chưa đầy đủ, còn nhiều bất cập:* Một giao dịch điện tử (hợp đồng điện tử) là sự kết hợp của 3 thành tố: thông điệp dữ liệu cấu thành nên nội dung hợp đồng; định danh các bên tham gia hợp đồng và xác thực điện tử. Các quy định hiện tại của Luật Giao dịch điện tử năm 2005 chưa phản ánh đầy đủ 3 thành tố trên (chưa có định danh điện tử). Đồng thời, Luật Giao dịch điện tử năm 2005 không quy định cụ thể các vấn đề pháp lý liên quan đến các bước giao kết và ký kết hợp đồng mà chỉ quy định những vấn đề liên quan đến kỹ thuật của việc trao đổi trong giao kết và thực hiện hợp đồng điện tử. Ngoài ra, Luật Giao dịch điện tử năm 2005 và các văn bản hướng dẫn chưa quy định rõ ràng về giá trị pháp lý của chữ ký điện tử nên trong thực tế các tổ chức tín dụng vẫn gặp khó khăn (nhất là phát sinh nhiều cách hiểu khác nhau) trong việc triển khai các dịch vụ yêu cầu ký kết hợp đồng điện tử với khách hàng.

Phương án xử lý: Bổ sung các quy định trong Luật Giao dịch điện tử để giải quyết các vướng mắc trên. Đồng thời nghiên cứu, bổ sung các quy định về xác thực

³ “Phương pháp tạo chữ ký điện tử cho phép xác minh được người ký và chứng tỏ được sự chấp thuận của người ký đối với nội dung thông điệp dữ liệu”.

định danh điện tử theo hướng: áp dụng 03 mức độ đảm bảo đối với định danh điện tử (cơ bản, tiên tiến, cao). Ba mức độ đảm bảo này được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn ISO/IEC 2915 và mức độ tin cậy (confidence level) được dựa trên hai yếu tố là: (i) bảo đảm danh tính (Identity assurance) tại thời điểm đăng ký và (ii) bảo đảm xác thực (Authentication assurance) - độ mạnh của các phương thức sử dụng trong thời điểm phê duyệt để bảo đảm sự an toàn, quyền lợi của các bên tham gia giao dịch.

III. ĐÁNH GIÁ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đánh giá

1.1. Mặt tích cực

1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

1.2.1. Tồn tại, hạn chế

1.2.2. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan)

2. Giải pháp và đề xuất, kiến nghị

2.1. Giải pháp

2.2. Đề xuất, kiến nghị.

(Lưu ý:

Nội dung đánh giá tập trung một số vấn đề sau:

- Về thực trạng quy định pháp luật (Tính thống nhất, đồng bộ, khả thi, công khai, minh bạch của hệ thống văn bản thuộc chuyên đề/lĩnh vực được rà soát; quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp với thực tiễn...);

- Tác động của các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không phù hợp đến sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội;

- Tình hình thi hành pháp luật trong nhóm văn bản được rà soát;

- Các vấn đề, yêu cầu thực tiễn đặt ra đối với hệ thống pháp luật.)

Nơi nhận:

- Như trên;

-....;

- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;

- Lưu:

TRƯỞNG NHÓM

(Ký tên)

Mẫu số 02
DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÒN HIỆU LỰC THUỘC¹
ĐÃ ĐƯỢC RÀ SOÁT

(Kèm theo Công văn số *AB/4/TCT* ngày *20/4/2022* của Tổ công tác)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực
I. LUẬT, BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI²				
1.				
2.				
...				
II. PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI				
1.				
2.				
...				
III. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ				
1.				
2.				
...				
IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ				
1.				
2.				
...				
V. THÔNG TƯ LIÊN TỊCH				

¹ Ghi tên chuyên đề/linh vực quy định pháp luật (Nhóm 1, Nhóm 5) được rà soát theo Quyết định số 696/QĐ-TCT ngày 22/4/2022 về việc phân công thành viên Tổ công tác, Tổ giúp việc và Bộ phận thường trực tham gia các Nhóm rà soát văn bản quy phạm pháp luật.
² Tiêu chí sắp xếp có thể thay đổi tùy thuộc vào yêu cầu rà soát của Nhóm (ví dụ, có thể sắp xếp văn bản theo nhóm vấn đề, lĩnh vực văn bản điều chỉnh).

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung của văn bản	Thời điểm có hiệu lực
1.				
2.				
...				
VI. THÔNG TƯ				
1.				
2.				
...				
VII. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC				
1.				
2.				
...				

Mẫu số 03

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ..... CÁN XỬ LÝ¹

(Kèm theo Công văn số .*1314*/TCT ngày *28*.../4/2022 của Tổ công tác)

STT	Tên văn bản	Cơ quan tham mưu xử lý
	I. LUẬT, BỘ LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI ²	
		Ví dụ: Bộ Tài chính
	II. PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	
1		
	III. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ	
1		
	IV. QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	
1		
	V. THÔNG TƯ LIÊN TỊCH	
	VI. THÔNG TƯ	
1		
	VII. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC	
1		

¹ Theo kết quả rà soát của Nhóm 1, Nhóm 5.

² Tiêu chí sắp xếp có thể thay đổi tùy thuộc vào yêu cầu rà soát của Nhóm (ví dụ, có thể sắp xếp văn bản theo nhóm vấn đề, lĩnh vực văn bản điều chỉnh).

Mẫu số 04

(Kèm theo Công văn số 1314./TCT ngày 26./4/2022 của Tổ công tác)

TỔ CÔNG TÁC
CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
VỀ RÀ SOÁT VĂN BẢN QPPL
NHÓM¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả rà soát, cho ý kiến độc lập đối với một số nội dung cụ thể liên quan
đến các luật:²

Kính gửi: Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về
rà soát văn bản quy phạm pháp luật

I. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trình bày ngắn gọn quá trình tổ chức rà soát, nghiên cứu, cho ý kiến đối với các vấn đề thuộc phạm vi rà soát, nghiên cứu của Nhóm.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VĂN BẢN

Trình bày khái quát kết quả rà soát, cho ý kiến đối với các nội dung cụ thể liên quan đến các luật thuộc phạm vi thực hiện của Nhóm (Bao nhiêu nội dung Nhóm nhất trí, bao nhiêu nội dung Nhóm không nhất trí, bao nhiêu nội dung Nhóm có ý kiến khác. Các đánh giá, các vấn đề cần lưu ý về nội dung các quy định pháp luật, về nhận định, quan điểm của các cơ quan, kiến nghị, đề xuất (nếu có)...).

Ý kiến cụ thể của Nhóm về các nội dung cụ thể liên quan đến các luật được trình bày tại Phụ lục kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Lưu;

TRƯỞNG NHÓM

(Ký tên)

¹ Ghi "Nhóm 2", "Nhóm 3" hoặc "Nhóm 4". Đối với nội dung của Nhóm 1, đề nghị tổng hợp chung vào một (01) Báo cáo cùng với các nội dung tại Mẫu số 01.

² Ghi tên các luật thuộc phạm vi rà soát, cho ý kiến độc lập của Nhóm (theo Quyết định số 696/QĐ-TCT ngày 22/4/2022 của Tổ trưởng Tổ công tác về việc phân công thành viên Tổ công tác, Tổ giúp việc và Bộ phận thường trực tham gia các Nhóm rà soát văn bản quy phạm pháp luật).

Ví dụ: Nhóm 2 thì sẽ ghi là: Kết quả rà soát, cho ý kiến độc lập đối với một số nội dung cụ thể liên quan đến các luật: Bộ luật Dân sự; Luật Dầu khí; Luật Thủy lợi

